



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
LOẠI C NHNN NĂM 2019-2020

KẾT QUẢ ĐIỂM THI VÒNG 1 VÀ LỊCH PHÒNG VẤN VÒNG 2 KỶ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C
VÀO LÀM VIỆC TẠI NHNN CHI NHÁNH TỈNH KHU VỰC TÂY NAM BỘ (CỤM 5)
NĂM 2019-2020

Ghi chú: Số câu hỏi phần thi Kiến thức chung là 60 câu; Số câu hỏi phần thi Tiếng Anh là 30 câu. Kết quả Vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi nói trên, thí sinh trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi tại Vòng 1 được thi tiếp Vòng 2. Theo đó, thí sinh có số câu trả lời đúng từ 30 trở lên câu đối với phần thi Kiến thức chung và từ 15 câu trở lên đối với phần thi Tiếng Anh sẽ tiếp tục dự thi Vòng 2 - Phòng vấn

TT	TT theo CN	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ngày thi phỏng vấn
						Kiến thức chung	Tiếng anh			
	(1)		(2)	(3)	(4)					
I	I	NHNN CN AN GIANG (Chỉ tiêu: 02)								
1	1	NV 5001	Lý Thanh	Bình	20-02-1998	32	22	Đạt	Bàn 2	Buổi sáng Thứ Bảy, ngày 19/9/2020
2	2	NV 5002	Vũ Tiến	Bình	01-06-1985	33	22	Đạt		
3	3	NV 5005	Nguyễn Trí	Dũng	16-06-1986	40	19	Đạt		
4	4	NV 5006	Nguyễn Tuấn	Duy	27-02-1992	39	21	Đạt		
5	5	NV 5008	Phạm Công	Đồng	18-04-1990	36	25	Đạt		
6	6	NV 5009	Nguyễn Thị Diệu	Em	20-10-1990	40	19	Đạt		
7	7	NV 5013	Đặng Mỹ	Hạnh	24-12-1990	46	27	Đạt		
8	8	NV 5014	Vân Mỹ	Hạnh	02-09-1982	31	22	Đạt		
9	9	NV 5015	Vương Thị Bé	Hên	01-01-1990	42	22	Đạt		
10	10	NV 5016	Nguyễn Nữ Xuân	Hoàng	19-02-1994	34	26	Đạt		
11	11	NV 5020	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	15-04-1997	34	17	Đạt		
12	12	NV 5022	Trương Thị Trúc	Linh	28-01-1995	32	24	Đạt		
13	13	NV 5023	Võ Ngọc	Minh	01-01-1993	33	22	Đạt		
14	14	NV 5026	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	06-02-1993	38	26	Đạt		
15	15	NV 5028	Nguyễn Thị Nguyệt	Phương	16-02-1995	36	23	Đạt		
16	16	NV 5029	Trần Phạm Mai	Phương	04-05-1989	41	24	Đạt		
17	17	NV 5030	Trương Nhật Hoàng Yến	Phương	17-08-1990	45	26	Đạt		
18	18	NV 5031	Thái Thị Yến	Phượng	07-11-1997	33	28	Đạt		
19	19	NV 5034	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	13-02-1995	43	24	Đạt	Bàn 2	Buổi chiều Thứ Bảy, ngày 19/9/2020
20	20	NV 5035	Đoàn Phi	Son	20-02-1992	34	17	Đạt		
21	21	NV 5037	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	04-07-1995	35	24	Đạt		
22	22	NV 5040	Nguyễn Thanh	Tú	20-03-1988	35	16	Đạt		
23	23	NV 5041	Nguyễn Thanh	Tuấn	08-04-1990	33	23	Đạt		
24	24	NV 5042	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	19-03-1996	34	19	Đạt		

TT	TT theo CN	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ngày thi phỏng vấn
							Kiến thức chung	Tiếng anh			
	(1)		(2)		(3)	(4)					
25	25	NV 5043	Mai Ngọc Phương	Thanh		15-01-1989	37	23	Đạt	Bàn 2	Buổi chiều Thứ Bảy, ngày 19/9/2020
26	26	NV 5044	Phan Thị Phương	Thanh		29-05-1991	36	15	Đạt		
27	27	NV 5045	Nguyễn Thị Xuân	Trang		20-01-1990	30	24	Đạt		
28	28	NV 5046	Võ Thị Thùy	Trung		19-04-1993	32	22	Đạt		
29	29	NV 5047	Trương Ngọc Bích	Trâm		03-01-1988	41	29	Đạt		
30	30	NV 5048	Châu Kim	Trung	09-10-1990		35	16	Đạt		
31	31	NV 5010	Nguyễn Thị Kim	Em		08-05-1988	23	13			
32	32	NV 5017	Từ Thị Kim	Hoàng		08-05-1995	28	19			
33	33	NV 5019	Nguyễn Diệp Ngọc	Huyền		23-06-1996	28	21			
34	34	NV 5021	Trần Thị Bích	Huyền		06-06-1991	29	21			
35	35	NV 5025	Huỳnh Nguyễn Kim	Ngân		09-05-1993	25	21			
36	36	NV 5049	Cao Thị Ngọc	Vân		12-08-1987	27	24			
37	37	NV 5003	Lưu Thị Kim	Cương		13-11-1994	Vắng	Vắng	Vắng		
38	38	NV 5004	Nguyễn Hồng	Chương	11-05-1995		Vắng	Vắng	Vắng		
39	39	NV 5007	Lâm Ngọc Mỹ	Duyên		17-03-1994	Vắng	Vắng	Vắng		
40	40	NV 5011	Cao Văn	Giàu	09-10-1992		Vắng	Vắng	Vắng		
41	41	NV 5012	Võ Thị Ngọc	Giàu		21-02-1996	Vắng	Vắng	Vắng		
42	42	NV 5018	Lê Quốc	Huy	11-07-1991		Vắng	Vắng	Vắng		
43	43	NV 5024	Cao Thị Diễm	My		22-12-1993	Vắng	Vắng	Vắng		
44	44	NV 5027	Nguyễn Minh	Phúc	13-12-1986		Vắng	Vắng	Vắng		
45	45	NV 5032	Vương Bích	Phượng		30-01-1995	Vắng	Vắng	Vắng		
46	46	NV 5033	Bùi Thảo	Quyên		10-10-1997	Vắng	Vắng	Vắng		
47	47	NV 5036	Huỳnh Hữu	Tâm	25-11-1993		Vắng	Vắng	Vắng		
48	48	NV 5038	Trương Mậu	Tiến	30-08-1995		Vắng	Vắng	Vắng		
49	49	NV 5039	Lê Kim	Tín		22-06-1993	Vắng	Vắng	Vắng		
50	50	NV 5050	Phạm Thị Kiều	Vân		01-05-1995	Vắng	Vắng	Vắng		
51	51	NV 5051	Nguyễn Thị Ngọc	Yến		18-10-1994	Vắng	Vắng	Vắng		
II	II	NHNN CN BẠC LIÊU (Chỉ tiêu: 02)									
52	1	NV 5054	Lê Ngọc	Hà		14-08-1993	38	23	Đạt	Bàn 2	Buổi sáng Thứ Hai, ngày 21/9/2020
53	2	NV 5057	Nguyễn Thị Bạch	Loan		04-12-1996	31	23	Đạt		
54	3	NV 5058	Thạch Thị Tuyết	Ngân		25-5-1992	34	15	Đạt		
55	4	NV 5059	Nguyễn Minh	Nguyệt		19-09-1986	34	26	Đạt		
56	5	NV 5062	Trương Hoài	Phương	22-12-1990		32	18	Đạt		
57	6	NV 5069	Trần Thu	Xuyên		30-07-1995	33	26	Đạt		

TT	TT theo CN	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ngày thi phỏng vấn
							Kiến thức chung	Tiếng anh			
	(1)		(2)		(3)	(4)					
58	7	NV 5052	Trần Thị Thủy	An		13-10-1990	35	13			
59	8	NV 5055	Lâm Thủy	Huỳnh		23-06-1986	28	19			
60	9	NV 5056	Trần Thị Ngọc	Lãnh		02-02-1996	24	Vắng			
61	10	NV 5060	Trần Minh	Nhất	02-02-1992		38	12			
62	11	NV 5061	Trần Bích	Như		28-03-1980	26	Vắng			
63	12	NV 5064	Lê Thị Như	Quỳnh		08-02-1995	27	23			
64	13	NV 5065	Võ Quang	Thạnh	14-02-1994		26	18			
65	14	NV 5066	Phạm Thanh	Thảo	22-03-1980		36	14			
66	15	NV 5067	Dương Minh	Thư		05-11-1997	20	12			
67	16	NV5053	Lâm Phong	Cảnh	30-07-1991		Vắng	Vắng	Vắng		
68	17	NV 5063	Lý Chúc	Phương		12-11-1988	Vắng	Vắng	Vắng		
69	18	NV 5068	Lưu Thị Bích	Trâm		29-09-1990	Vắng	Vắng	Vắng		

III III NHNN CN BẾN TRE (Chỉ tiêu: 02)

70	1	NV 5070	Nguyễn Trường	An	18-12-1991		37	19	Đạt	Bàn 2	Buổi sáng Chủ nhật, ngày 20/9/2020
71	2	NV 5072	Trương Nguyên Thủy	Anh		27-04-1988	39	26	Đạt		
72	3	NV 5073	Nguyễn Lê Thái	Bình	26-01-1986		33	20	Đạt		
73	4	NV 5074	Nguyễn Ngọc	Cầm		16-04-1990	46	23	Đạt		
74	5	NV 5078	Lê Thị Quỳnh	Dao		12-09-1994	38	24	Đạt		
75	6	NV 5079	Đặng Tấn	Duẩn	10-05-1977		35	27	Đạt		
76	7	NV 5081	Nguyễn Thị Kiều	Duyên		11-09-1990	41	20	Đạt		
77	8	NV 5082	Trần Trung	Hậu	16-10-1988		40	25	Đạt		
78	9	NV 5086	Trịnh Quốc	Lộc	28-10-1984		41	18	Đạt		
79	10	NV 5089	Cao Thành	Nhân	13-11-1995		32	20	Đạt		
80	11	NV 5090	Phạm Huỳnh Yến	Nhi		02-03-1990	38	22	Đạt		
81	12	NV 5091	Đoàn Trọng	Nhi	13-11-1989		31	21	Đạt		
82	13	NV 5092	Mai Thị Hồng	Nhung		31-10-1989	42	20	Đạt		
83	14	NV 5093	Phan Quỳnh	Như		14-04-1992	43	20	Đạt		
84	15	NV 5094	Vũ Minh	Phương		14-01-1995	37	24	Đạt		
85	16	NV 5097	Trần Nguyễn	Sang	22-01-1991		40	19	Đạt		
86	17	NV 5099	Nguyễn Thị Thanh	Thảo		09-05-1991	35	24	Đạt		
87	18	NV 5104	Phạm Nguyễn Tường	Vy		05-05-1997	38	24	Đạt		
88	19	NV 5106	Nguyễn Thị Nguyệt	Yến		11-11-1991	41	26	Đạt		

TT	TT theo CN	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ngày thi phỏng vấn
							Kiến thức chung	Tiếng anh			
	(1)		(2)		(3)	(4)					
89	20	NV 5076	Đặng Thị Mỹ	Châu		18-10-1993	25	20			
90	21	NV 5084	Thái Thị	Lan		10-03-1990	29	11			
91	22	NV 5101	Nguyễn Thanh	Trúc		25-05-1992	28	14			
92	23	NV 5071	Cao Thị Ngọc	Anh		13-10-1987	Vắng	Vắng	Vắng		
93	24	NV 5075	Nguyễn Phú	Cường	01-01-1991		Vắng	Vắng	Vắng		
94	25	NV 5077	Nguyễn Kim	Danh		13-03-1988	Vắng	Vắng	Vắng		
95	26	NV 5080	Phạm Thị Mỹ	Dung		16-10-1988	Vắng	Vắng	Vắng		
96	27	NV 5083	Dương Thị Kim	Hoàng		10-10-1987	Vắng	Vắng	Vắng		
97	28	NV 5085	Nguyễn Lê Toàn Cẩm	Linh		28-08-1993	Vắng	Vắng	Vắng		
98	29	NV 5087	Trần Thị Hồng	Nghị		30-07-1988	Vắng	Vắng	Vắng		
99	30	NV 5088	Huỳnh Thảo	Nguyên		14-01-1997	Vắng	Vắng	Vắng		
100	31	NV 5095	Nguyễn Thị Hồng	Quốc		25-10-1995	Vắng	Vắng	Vắng		
101	32	NV 5096	Đỗ Như	Quỳnh		10-10-1987	Vắng	Vắng	Vắng		
102	33	NV 5098	Nguyễn Mộng	Tuyền		02-07-1985	Vắng	Vắng	Vắng		
103	34	NV 5100	Trương Thị Phương	Trâm		31-08-1998	Vắng	Vắng	Vắng		
104	35	NV 5102	Nguyễn Vũ Hùng	Vương	23-10-1993		Vắng	Vắng	Vắng		
105	36	NV 5103	Trần Ngọc Minh	Vy		13-02-1993	Vắng	Vắng	Vắng		
106	37	NV 5105	Nguyễn Thị Bảo	Xuyên		10-10-1988	Vắng	Vắng	Vắng		
IV	IV	NHNN CN CẢ MAU (Chỉ tiêu: 02)									
107	1	NV5108	Phạm Tuấn	Anh	31-05-1994		43	19	Đạt	Bàn 1	Buổi sáng Thứ Bảy, ngày 19/9/2020
108	2	NV 5110	Võ Kiều	Diễm		24-8-1989	33	25	Đạt		
109	3	NV 5112	Trương Hoàng	Giúp	16-4-1989		36	19	Đạt		
110	4	NV 5113	Trần Trung	Hiếu	20-11-1993		45	18	Đạt		
111	5	NV 5116	Hồ Kim	Ngân		09-11-1988	33	24	Đạt		
112	6	NV 5117	Hứa Văn	Nghị	05-12-1991		38	16	Đạt		
113	7	NV 5118	Dương Nguyễn Trọng	Nghĩa	03-12-1994		50	23	Đạt		
114	8	NV 5121	Nguyễn Huỳnh	Như		01-3-1992	39	19	Đạt		
115	9	NV 5122	Lê Minh	Nhật	29-3-1993		34	20	Đạt		
116	10	NV 5123	Lâm Thụy Hồng	Phương		11-6-1984	33	Miễn thi	Đạt		
117	11	NV 5124	Lê Nhật	Tân	10-12-1990		36	25	Đạt		
118	12	NV 5125	Nguyễn Tri	Tuệ	14-8-1990		45	21	Đạt		
119	13	NV 5127	Nguyễn Minh	Thắng	18-8-1987		31	18	Đạt		



TT	TT theo CN	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phòng vấn (vòng 2)	Ngày thi phòng vấn
							Kiến thức chung	Tiếng anh			
	(1)		(2)		(3)	(4)					
120	14	NV 5128	Phạm Lạc	Thông	01-6-1991		46	25	Đạt	Bàn 1	Buổi sáng Thứ Bảy, ngày 19/9/2020
121	15	NV 5129	Trần Thị Thanh	Thùy		22-9-1989	39	23	Đạt		
122	16	NV 5132	Nguyễn Thùy	Trang		25-12-1988	34	25	Đạt		
123	17	NV 5107	Nguyễn Bình	An	17-10-1993		25	23			
124	18	NV 5119	Hồ Thị Cẩm	Nhung		16-01-1989	33	11			
125	19	NV 5126	Trần Bích	Tuyền		11-7-1994	28	Vắng			
126	20	NV 5130	Đỗ Thị Kiều	Trang		07-10-1993	26	20			
127	21	NV 5131	Nguyễn Thị Thùy	Trang		24-5-1994	29	19			
128	22	NV 5109	Nguyễn Tri	Ân	01-02-1990		Vắng	Vắng	Vắng		
129	23	NV 5111	Trần Thị Chuyên	Em		16-9-1983	Vắng	Vắng	Vắng		
130	24	NV 5114	Lý Thị Phương	Hồng		13-10-1991	Vắng	Vắng	Vắng		
131	25	NV 5115	Đàm Thị Cẩm	Linh		03-8-1992	Vắng	Vắng	Vắng		
132	26	NV 5120	Lâm Thị Quỳnh	Như		16-7-1992	Vắng	Vắng	Vắng		
V	V	NHNN CN ĐỒNG THÁP (Chỉ tiêu: 02)									
133	1	NV 5134	Dương Thị Ngọc	Án		22-04-1989	34	15	Đạt	Bàn 1	Buổi sáng Chủ nhật, ngày 20/9/2020
134	2	NV 5135	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên		05-07-1995	34	17	Đạt		
135	3	NV 5137	Huỳnh Ngọc	Hiệp	20-08-1988		39	15	Đạt		
136	4	NV 5138	Võ Lệ	Huyền		20-09-1991	32	26	Đạt		
137	5	NV 5140	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân		07-09-1997	31	18	Đạt		
138	6	NV 5143	Nguyễn Hồng	Phúc	17-05-1988		33	18	Đạt		
139	7	NV 5145	Nguyễn Văn	Sang	01-07-1991		47	18	Đạt		
140	8	NV 5147	Trần Ngọc	Thanh	19-08-1988		33	15	Đạt		
141	9	NV 5150	Thân Thị Hồng	Thắm		13-12-1985	32	15	Đạt		
142	10	NV 5151	Ngô Minh	Thùy		10-09-1990	35	21	Đạt		
143	11	NV 5152	Trần Huỳnh Phương	Thy		09-09-1991	42	26	Đạt		
144	12	NV 5136	Ngô Thị Cẩm	Giang		10-12-1993	25	Vắng			
145	13	NV 5139	Trần Đăng	Khoa	01-05-1996		25	Vắng			
146	14	NV 5144	Lê Nguyễn Tuyết	Phương		11-12-1996	23	26			
147	15	NV 5146	Nguyễn Thị Hồng	Tươi		20-12-1996	21	10			
148	16	NV 5149	Lê Thanh	Thảo		01-10-1989	26	24			
149	17	NV 5153	Nguyễn Thị Thùy	Trâm		25-04-1994	25	Vắng			
150	18	NV 5133	Bùi Thị Ngọc	Anh		14-06-1994	Vắng	Vắng	Vắng		
151	19	NV 5141	Cao Xuân Ý	Nhi		21-12-1994	Vắng	Vắng	Vắng		

TT	TT theo CN	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ngày thi phỏng vấn
							Kiến thức chung	Tiếng anh			
	(1)		(2)		(3)	(4)					
152	20	NV 5142	Nguyễn Ngọc	Nhiều	01-07-1990		Vắng	Vắng	Vắng		
153	21	NV 5148	Trần Trung	Thánh	07-04-1990		Vắng	Vắng	Vắng		
VI	VI	NHNN CN KIÊN GIANG (Chỉ tiêu: 02)									
154	1	NV 5154	Nguyễn Thị Thủy	An		12-08-1988	31	25	Đạt	Bàn 2	Buổi Chiều Chủ nhật, ngày 20/9/2020
155	2	NV 5155	Nguyễn Thánh	Dương	15-05-1992		50	29	Đạt		
156	3	NV 5156	Dương Lý	Hạnh		26-08-1986	41	21	Đạt		
157	4	NV 5158	Võ Thị Diệu	Hiển		04-11-1988	33	20	Đạt		
158	5	NV 5159	Lý Thị Kiều	Loan		19-03-1993	34	18	Đạt		
159	6	NV 5161	Lê Phan Phương	Nam	31-03-1993		40	24	Đạt		
160	7	NV 5163	Trương Nguyễn Kim	Ngọc		01-07-1992	31	24	Đạt		
161	8	NV 5164	Vũ Thị	Ngọc		05-07-1989	37	21	Đạt		
162	9	NV 5165	Nguyễn Thị Kim	Nguyên		20-11-1994	34	19	Đạt		
163	10	NV 5166	Lê Thị	Nhân		03-07-1992	38	25	Đạt		
164	11	NV 5168	Vũ Phước	Tài	15-07-1996		44	23	Đạt		
165	12	NV 5169	Nguyễn Minh	Thành	14-01-1992		30	22	Đạt		
166	13	NV 5170	Võ Kim	Thị		22-05-1990	30	23	Đạt		
167	14	NV 5171	Nguyễn Thị Huyền	Trang		14-01-1989	35	21	Đạt		
168	15	NV 5162	Nguyễn Kim	Ngân		15-06-1992	29	Vắng			
169	16	NV 5157	Lê Thị Mỹ	Hằng		04-07-1991	Vắng	Vắng	Vắng		
170	17	NV 5160	Trần Thành	Long	08-10-1996		Vắng	Vắng	Vắng		
171	18	NV 5167	Lê Huỳnh	Như		30-12-1992	Vắng	Vắng	Vắng		
172	19	NV 5172	Hồ Bảo	Trọng	15-04-1998		Vắng	Vắng	Vắng		
VII	VII	NHNN CN SÓC TRĂNG (Chỉ tiêu: 02)									
173	1	NV 5175	Phạm Kim	Duy	06-07-1995		43	25	Đạt	Bàn 1	Buổi Chiều Thứ Bảy, ngày 19/9/2020
174	2	NV 5176	Trần Thị Mỹ	Duy		04-01-1994	37	20	Đạt		
175	3	NV 5177	Huỳnh Anh	Đài		21-11-1983	35	23	Đạt		
176	4	NV 5178	Quách Huệ	Mẫn		23-12-1990	34	26	Đạt		
177	5	NV 5180	Trần Tuyết	Nương		24-10-1991	44	21	Đạt		
178	6	NV 5182	Hàng Diễm	Ngọc		27-04-1993	41	27	Đạt		
179	7	NV 5183	Kha Như	Ngọc		06-11-1994	34	25	Đạt		
180	8	NV 5184	Trần Thị Cẩm	Nhiên		24-05-1990	46	25	Đạt		
181	9	NV 5186	Nguyễn Hồng	Phong	19-08-1983		33	20	Đạt		
182	10	NV 5187	Trần Kim	Phượng		29-03-1991	31	22	Đạt		

TT	TT theo CN	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ngày thi phỏng vấn
							Kiến thức chung	Tiếng anh			
	(1)		(2)		(3)	(4)					
183	11	NV 5188	Phan Thị Thanh	Tuyền		28-01-1989	37	22	Đạt	Bàn 1	Buổi Chiều Thứ Bảy, ngày 19/9/2020
184	12	NV 5189	Nguyễn Đức	Thịnh	17-11-1989		41	28	Đạt		
185	13	NV 5190	Võ Thị Thùy	Trang		18-07-1989	37	20	Đạt		
186	14	NV 5191	Đào Thị Tú	Trần		01-11-1991	45	27	Đạt		
187	15	NV 5193	Phan Minh	Tri	16-02-1994		36	21	Đạt		
188	16	NV 5194	Bùi Diễm	Trình		25-10-1987	42	28	Đạt		
189	17	NV 5195	Huỳnh Trịnh Thanh	Trúc		22-06-1990	37	26	Đạt		
190	18	NV 5196	Trần Minh	Trường	21-08-1993		38	29	Đạt		
191	19	NV 5197	Trần Thị Ái	Vân		18-07-1993	30	24	Đạt		
192	20	NV 5174	Huỳnh Ngọc	Diễm		05-04-1996	33	14			
193	21	NV 5179	Trương Đức	Nam	15-03-1986		27	14			
194	22	NV 5181	Huỳnh Kim	Ngân		03-01-1995	29	17			
195	23	NV 5173	Trần Ngọc Ngân	Bình		11-08-1992	Vắng	Vắng	Vắng		
196	24	NV 5185	Quách Huỳnh	Nhật	11-01-1983		Vắng	Vắng	Vắng		
197	25	NV 5192	Thái Thảo	Trần		03-12-1989	Vắng	Vắng	Vắng		
VIII	VIII	NHNN CN TRÀ VINH (Chỉ tiêu: 02)									
198	1	NV 5199	Nguyễn Thị	Dung		24-3-1997	34	24	Đạt	Bàn 1	Buổi Chiều Chủ nhật, ngày 20/9/2020
199	2	NV 5200	Trần Thị Mỹ	Duyên		04-8-1998	41	24	Đạt		
200	3	NV 5201	Nguyễn Thành	Được	15-10-1992		38	23	Đạt		
201	4	NV 5203	Trần Hiệp	Hòa	21-10-1987		36	26	Đạt		
202	5	NV 5205	Ngô Thị Thảo	Linh		04-12-1994	41	22	Đạt		
203	6	NV 5207	Huỳnh Phước	Nhân	11-3-1992		33	20	Đạt		
204	7	NV 5211	Nguyễn Thị Xuân	Tâm		14-02-1996	32	26	Đạt		
205	8	NV 5212	Lê Trung	Tính	18-8-1993		31	24	Đạt		
206	9	NV 5213	Phạm Anh	Tuyền		30-12-1997	37	24	Đạt		
207	10	NV 5214	Huỳnh Thị Phương	Thảo		10-12-1989	36	23	Đạt		
208	11	NV 5216	Phan Thị	Thảo		24-02-1992	38	28	Đạt		
209	12	NV 5218	Nguyễn Huỳnh Minh	Thư		29-12-1997	30	21	Đạt		
210	13	NV 5219	Trần Thanh	Trà		23-3-1993	33	19	Đạt		
211	14	NV 5222	Nguyễn Minh	Trung	01-01-1992		44	19	Đạt		
212	15	NV 5223	Nguyễn Hoàng	Vũ	19-9-1986		40	23	Đạt		
213	16	NV 5224	Nguyễn Thị Kim	Xuyến		02-01-1996	35	21	Đạt		
214	17	NV 5198	Huỳnh Thị Thu	Chi		22-3-1993	28	Vắng			

TT	TT theo CN	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ngày thi phỏng vấn
							Kiến thức chung	Tiếng anh			
	(1)		(2)		(3)	(4)					
215	18	NV 5202	Huỳnh Thị Cẩm	Giang		19-12-1995	23	Vắng			
216	19	NV 5204	Huỳnh Thị Thu	Hương		01-01-1993	26	Vắng			
217	20	NV 5206	Dương Thị Kim	Ngọc		05-9-1993	27	Vắng			
218	21	NV 5217	Đỗ Thanh	Thủy		15-7-1985	24	16			
219	22	NV 5221	Trần Thanh	Trúc	01-6-1993		29	14			
220	23	NV 5208	Đặng Huỳnh	Như		25-3-1997	Vắng	Vắng	Vắng		
221	24	NV 5209	Lâm Thị	Pha		18-10-1990	Vắng	Vắng	Vắng		
222	25	NV 5210	Nguyễn Thị Ánh	Phụng		25-10-1997	Vắng	Vắng	Vắng		
223	26	NV 5215	Nguyễn Thị Phương	Thảo		05/07/1987	Vắng	Vắng	Vắng		
224	27	NV 5220	Ngô Thị	Trúc		26-3-1994	Vắng	Vắng	Vắng		
IX	IX	NHNN CN VINH LONG (Chỉ tiêu: 02)									
225	1	NV 5225	Lâm Hồng	Anh		16-05-1981	38	27	Đạt	Bàn 2	 Buổi sáng Thứ hai, ngày 21/9/2020
226	2	NV 5227	Nguyễn Thị Ngọc	Chân		01-05-1990	36	22	Đạt		
227	3	NV 5228	Hồ Minh	Châu	15-04-1993		34	21	Đạt		
228	4	NV 5230	Huỳnh Tiến	Danh	02-05-1991		30	18	Đạt		
229	5	NV 5231	Phan Thị Ngọc	Diệp		09-07-1982	31	18	Đạt		
230	6	NV 5233	Nguyễn Thị Hồng	Gấm		28-08-1991	36	20	Đạt		
231	7	NV 5235	Nguyễn Vinh Hà	Giang		31-12-1996	38	22	Đạt		
232	8	NV 5236	Đặng Hữu	Hiền	12-10-1990		35	27	Đạt		
233	9	NV 5238	Ngô Ngọc	Hương		15-02-1988	37	22	Đạt		
234	10	NV 5243	Nguyễn Sơn	Nam	01-12-1991		37	24	Đạt		
235	11	NV 5244	Nguyễn Duy	Ngọc	11-11-1990		40	24	Đạt		
236	12	NV 5245	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc		30-04-1994	30	17	Đạt		
237	13	NV 5249	Bùi Minh	Nhật	18-09-1992		41	17	Đạt	Bàn 2	Buổi Chiều Thứ hai, ngày 21/9/2020
238	14	NV 5250	Ban Thị Diễm	Phúc		28-07-1992	32	25	Đạt		
239	15	NV 5252	Nguyễn Phương	Tuyền		10-02-1990	37	24	Đạt		
240	16	NV 5253	Nguyễn Chí	Thanh	18-08-1991		37	20	Đạt		
241	17	NV 5255	Lê Minh	Thiện	13-10-1991		34	21	Đạt		
242	18	NV 5256	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy		26-03-1984	36	27	Đạt		
243	19	NV 5260	Vô Thanh	Trúc		06-01-1988	35	25	Đạt		
244	20	NV 5261	Trần Quốc	Việt	24-05-1989		30	20	Đạt		
245	21	NV 5262	Trần Quang	Vinh	21-04-1976		37	15	Đạt		
246	22	NV 5263	Trần Phạm Phong Huy	Vũ	12-01-1994		38	25	Đạt		

TT	TT theo CN	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Số câu trả lời đúng		Kết quả	Bàn phỏng vấn (vòng 2)	Ngày thi phỏng vấn
							Kiến thức chung	Tiếng anh			
	(1)		(2)		(3)	(4)					
247	23	NV 5226	Trần Thị Nguyệt	Ảnh		18-11-1994	27	13			
248	24	NV 5229	Trần Trung	Chiến	30-04-1985		25	10			
249	25	NV 5232	Nguyễn Quốc	Đại	05-06-1989		28	Vắng			
250	26	NV 5234	Âu Thanh Ngân	Giang		25-05-1996	25	16			
251	27	NV 5237	Nguyễn Khánh	Hồng		22-04-1989	29	19			
252	28	NV 5242	Đặng Trần Xuân	Nam	03-07-1991		26	Vắng			
253	29	NV 5246	Trịnh Phạm Thanh	Nhi	09-05-1992		32	12			
254	30	NV 5258	Nguyễn Thị Thủy	Trang		30-06-1993	27	Vắng			
255	31	NV 5239	Lý Kim	Khanh		11-07-1991	Vắng	Vắng	Vắng		
256	32	NV 5240	Phạm Phùng	Khánh	07-09-1989		Vắng	Vắng	Vắng		
257	33	NV 5241	Thạch Thị Trúc	Linh		15-03-1993	Vắng	Vắng	Vắng		
258	34	NV 5247	Tôn Thị Hồng	Nhung		05-09-1992	Vắng	Vắng	Vắng		
259	35	NV 5248	Trần Huyền	Nhung		28-07-1994	Vắng	Vắng	Vắng		
260	36	NV 5251	Vũ Minh	Tuấn	19-01-1990		Vắng	Vắng	Vắng		
261	37	NV 5254	Trương Thị Hồng	Thắm		15-04-1997	Vắng	Vắng	Vắng		
262	38	NV 5257	Trương Thị Thanh	Thủy		09-06-1989	Vắng	Vắng	Vắng		
263	39	NV 5259	Lê Minh	Triết	12-11-1995		Vắng	Vắng	Vắng		

skp

TM. HỘI ĐỒNG
ỦY VIÊN



VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ

Đặng Văn Tuyên